

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2024

(V/v: Tranh chấp Yêu cầu không nhận
quan hệ chồng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Thái Văn Thành - ông Phan Văn Hưng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Bá Kiên - Chức vụ: Thư ký tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình" thụ lý số: 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2024/QĐST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 164/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Hoàng Văn S sinh năm 1957. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: xóm G, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

- **Bị đơn:** bà Vũ Thị C, sinh năm 1963. Vắng mặt lần thứ 2;

Địa chỉ: xóm G, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Do nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Hoàng Văn S như sau: Ông và bà Vũ Thị C có tìm hiểu nhau tự nguyện và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào tháng 10 năm 1980 tuy nhiên không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không phù hợp, vợ chồng không thương yêu nhau quý trọng nhau. Mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hòa giải nhưng không thành. Hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm, trách nhiệm với nhau nữa. Ông S xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể chung sống thêm với nhau được nữa ông đề nghị Tòa án giải

quyết chấm dứt không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà C.

- Về con chung: Ông S và bà C có bốn người con chung là Hoàng Thị S1, sinh ngày 25/7/1982; Hoàng Văn S2, sinh ngày 25/7/1986; Hoàng Thị H, sinh ngày 08/12/1987 và Hoàng Văn H1, sinh ngày 09/02/1991. Hiện nay các con chung đã trưởng thành không bị mất năng lực hành vi dân sự nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản: ông S không yêu cầu tòa án giải quyết.

+/Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt thông báo hợp lệ cho bà C các văn bản tố tụng của Tòa án, bà C đã nhận trực tiếp ký vào các biên bản giao giấy tờ của Văn phòng thừa phát lại và bà đã biết nội dung sự việc ông S khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông S tại Tòa án tuy nhiên bà C không chấp hành và từ bỏ quyền tham gia tố tụng của bà nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải được.

- Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng được quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn bà C có hộ khẩu thường trú tại xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn bà C vắng mặt lần thứ 2, do đó căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết cho thấy, ông S và bà C sau một thời gian tìm hiểu tổ chức đám cưới theo phong tục và về chung sống với nhau từ tháng 10 năm 1980 cho đến nay nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà C là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét mâu thuẫn giữa ông S, bà C: Hội đồng xét xử thấy quá trình chung sống hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến không còn quan tâm thương trách nhiệm với nhau nữa; ông S, bà C đều xác định tình cảm không còn và thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-

BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp; khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hoàng Văn S, bà Vũ Thị C.

[2.2] Xét về quan hệ con chung: Ông S, bà C có bốn người con là Hoàng Thị S1, sinh ngày 25/7/1982; Hoàng Văn S2, sinh ngày 25/7/1986; Hoàng Thị H, sinh ngày 08/12/1987 và Hoàng Văn H1, sinh ngày 09/02/1991, hiện nay các con chung đã đủ tuổi trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự có khả năng lao động ông S không yêu cầu giải quyết nên miễn xét

[3] Về tài sản: Ông S không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Ông S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14; Điều 53 của luật Hôn Nhân & Gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn S

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Hoàng Văn S và bà Vũ Thị C là vợ chồng.

[2] Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003027 ngày 30/8/2024, ông S đã nộp đủ án phí.

[3] Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân

- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND xã (ĐKKH)
- Lưu hs, VP

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nhung

